BỆNH VIỆN ĐA KHOA CÀ MAU **KHOA DƯỢC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 23/TB-HĐT&ĐT/DLS	*Cà Mau, ngày 07 tháng 07 năm 2026*

THÔNG BÁO

V/v phát hành danh mục thuốc có nguy cơ cao gây phản ứng có hại của thuốc (ADR)

Kính gửi: - Phòng Quản lý chất lượng;

- Phòng Điều dưỡng;

- Các khoa lâm sàng.

Căn cứ Nghị định số 131/2020/NĐ-CP ngày 02/11/2020 của Chính phủ về Quy định về tổ chức, hoạt động Dược lâm sàng của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định 12/QĐ-BYT, ngày 11/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc Ban hành Hướng dẫn Quốc gia về Cảnh giác Dược;

Căn cứ Phụ lục 8 ban hành kèm theo Thông tư số 21/2013/TT-BYT ngày 08 tháng 8 năm 2013 của bộ trưởng bộ y tế;

Căn cứ tình hình thực tế danh mục thuốc tại Bệnh viện;

Nhằm tăng cường quản lý các thuốc có khả năng gây hại nghiêm trọng nếu sử dụng sai cách, để giảm thiểu sai sót y khoa và đảm bảo an toàn tối đa cho bệnh nhân trong quá trình kê đơn, cấp phát, lưu trữ và sử dụng, khoa Dược thông báo đến các khoa/ phòng danh mục có nguy cơ cao gây phản ứng có hại của thuốc (ADR)

1. Định nghĩa:

Thuốc nguy cơ cao (High alert medications – HAMs) là thuốc có khả năng gây ra tổn hại đáng kể cho bệnh nhân nếu gặp sai sót trong quá trình sử dụng. Mặc dù tần suất sai sót liên quan đến các thuốc này không thường xuyên hơn những thuốc khác nhưng hậu quả của việc xảy ra sai sót có thể rất nghiêm trọng trên bệnh nhân.

2. Một số biện pháp kiểm soát:

- Dán nhãn phụ để dễ nhận biết thuốc có nguy cơ cao gây ADR.

- Khi kê đơn các thuốc có nguy cơ cao cần lưu ý tên thuốc, hoạt chất, nồng độ/hàm lượng, đường dùng,…

- Tuân thủ nguyên tắc 3 kiểm tra – 3 đối chiếu trong lãnh/cấp phát thuốc, nguyên tắc 5 đúng trong sử dụng thuốc cho BN.

- Giám sát chặt chẽ các ADR liên quan đến thuốc có nguy cơ cao để đưa ra các biện pháp khắc phục kịp thời.

TM. HĐT & ĐT	TRƯỞNG KHOA DƯỢC	BỘ PHẬN DLS & TTT
SỞ Y TẾ TỈNH CÀ MAU – BỆNH VIỆN ĐA KHOA CÀ MAU		
Trần Hoán Toàn	DS.CKII. Võ Minh Trường	DS. Dương Thảo Nguyên

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Lưu: VT, KD

(Nội dung danh mục Thuốc nguy cơ cao đính kèm theo mã QR)

DANH MỤC THUỐC CÓ NGUY CƠ CAO GÂY PHẢN ỨNG CÓ HẠI CỦA THUỐC (ADR)

(Cập nhật đến ngày 07 tháng 07 năm 2026)

STT	Nhóm	Hoạt chất	Tên thuốc	Đơn vị tính
1	**Thuốc đồng vận adrenergic**	Dobutamin	Dobcard 250mg/20 ml	Ống
2		Epinephrin (adrenalin)	Adrenalin	Ống
3			Hadunalin 1mg/ml	Ống
4		Lidocain + epinephrin(adrenalin)	Lignospan Standard	Ống
5		Noradrenaline (dưới dạng Noradrenaline tartrate)	A.T Noradrenaline 1mg/ml	Ống
6			Seladrenalin	Ống
7		Nor-epinephrin (Nor- adrenalin)	Noradrenalin	Ống
8		Salbutamol + ipratropium	Vinsalpium	Ống
9	**Thuốc đối vận adrenergic**	Bisoprolol	Agicardi	Viên
10			Bihasal 5	Viên
11			Bisoprolol 2,5mg	Viên
12			Concor 5mg	Viên
13			Concor Cor	Viên
14		Bisoprolol + Hydroclorothiazid	Bisoplus HCT 5/12.5	Viên
15		Doxazosin	Doxazosin 1mg	Viên
16		Metoprolol	Betaloc Zok 25mg	Viên
17			Betaloc Zok 50mg	Viên
18	**Thuốc gây mê**	Propofol	Fresofol 1% Mct/Lct	Ống
19	**Thuốc gây tê ngoài màng cứng**	Bupivacain hydroclorid	Bucarvin	Ống
20			Marcaine Spinal Heavy	Ống
21		Levobupivacain	Levobupi-BFS 50 mg	Lọ
22			Levocin	Ống
23		Lidocain hydroclodrid	Lidocain	Ống
24			Lidocain 40mg/2ml	Ống
25			Xylocaine Jelly	Tuýp
26	**Dextrose, dung dịch ưu trương, điện giải**	Calci clorid	Calci clorid 500mg/ 5ml	Ống
27		Glucose	Dextrose 20%	Chai
28			Dextrose 30%	Chai
29			Glucose 5%	Chai
30		Kali clorid	Kali clorid 10%	Ống
31			Potassium Chloride Proamp 0,10g/ml	Ống

32		Magnesi sulfat	Magnesi sulfat Kabi 15%	Ống
33		Natri hydrocarbonat (natri bicarbonat)	BFS-Nabica 8,4%	Lọ
34			Natri bicarbonat 1,4%	Chai
35	**Thuốc cản quang**	Iohexol	Omnipaque	Chai
36		Iopamidol	Iopamiro	Chai
37	**Thuốc chống loạn nhịp**	Adenosin triphosphat	BFS-Adenosin	Lọ
38		Amiodaron (hydroclorid)	Cordarone 150 mg/3 ml	Ống
39			Amiodarona GP	Viên
40			Cordarone 150mg/3ml	Ống
41	**Thuốc huyết khối**	Acenocoumarol	Azenmarol 1	Viên
42			Vincerol 4 mg	Viên
43		Alteplase	Actilyse	Lọ
44		Apixaban	Eliquis	Viên
45		Dabigatran	Pradaxa	Viên
46		Enoxaparin (natri)	Gemapaxane	Bơm tiêm
47			Lovenox	Bơm tiêm
48		Heparin (natri)	Heparin- Belmed	Lọ
49		Rivaroxaban	Rivacryst	Viên
50			Xarelto	Viên
51		Amikacin	Acheron 500mg/2ml	Ống
52			Amikaver	Ống
53		Azithromycin	Quafa-Azi 500mg	Viên
54		Ciprofloxacin	Ciloxan	Lọ
55			Ciprobay 400mg	Chai
56			Ciprofloxacin	Viên
57			Ciprofloxacin 200mg/ 100ml	Lọ
58		Clindamycin	Bioceromy 300	Viên
59		Colistin*	Colistin 2 MIU	Lọ
60		Ertapenem*	Ertapenem VCP	Lọ
61		Erythropoietin	Nanokine 2000 IU	Lọ
62		Imipenem + cilastatin*	Cepemid 1g	Lọ
63		Levofloxacin	Cravit 1.5%	Lọ
64			Kaflovo	Viên
65			LEVODHG 500	viên
66			Tavanic	Viên

67	**Kháng sinh**	Levofloxacin*	Bivelox I.V. 5mg/ ml	Chai
68			Levogolds	Túi
69		Linezolid*	A.T Linezolid 200mg/100ml	Lọ
70			Ceftigold	Viên
71		Meropenem*	Meronem	Lọ
72			Mizapenem 1g	Lọ
73		Metronidazol	Metronidazol Kabi	Chai
74		Moxifloxacin	Biviflox	Lọ
75			Moloxcin 400	Viên
76			Moxifloxacin 0,5%	Lọ
77			Tamvelier	Lọ
78		Moxifloxacin*	Moxifloxacin 400mg/250ml	Lọ
79		Teicoplanin*	Fyranco	Lọ
80		Tigecyclin*	Tigemy 50	Lọ
81		Vancomycin	Vancomycin 1g	Lọ
82			Vecmid 1gm	Lọ
83	**Insulin và các thuốc điều trị đái tháo đường**	Bút tiêm Insulin	Mypen 2	Hộp
84		Insulin analog trộn, hỗn hợp	Humalog Mix 75/25 Kwikpen	Bút tiêm
85			NovoMix 30 FlexPen	Bút tiêm
86		Insulin degludec + Insulin aspart	Ryzodeg Flextouch 100U/ml	Bút tiêm
87		Insulin người trộn, hỗn hợp	Scilin M30 (30/70)	Lọ
88			Wosulin 30/70	Lọ
89		Insulin tác dụng chậm, kéo dài (Slow-acting, Long-acting)	Basaglar	Bút tiêm
90			GLARITUS	Bút tiêm
91			Toujeo Solostar	Bút tiêm
92		Insulin tác dụng nhanh, ngắn (Fast-acting, Short-acting)	Actrapid	Lọ
93			Humalog Mix 50/50 Kwikpen	Bút tiêm
94	**Opioid**	Fentanyl	Fentanyl B.Braun 0.1mg/2ml	Ống
95			Thuốc tiêm Fentanyl citrate	Ống
96		Morphin	MORPHIN	Ống
97			Morphin 30mg	Viên
98			Opiphine	Ống
99		Paracetamol + tramadol	DEGEVIC	Viên
100		Pethidin hydroclorid	Pethidine-hameln 50mg/ml	Ống

101	**Thuốc an thần**	Diazepam	Diazepam 10mg/2ml	Ống
102		Midazolam	Zodalan	Ống
103	**Thuốc phong bế dẫn truyền thần kinh - cơ**	Atracurium besylat	BFS-Atracu	Ống
104		Rocuronium bromid	Noveron	Lọ
105		Botulinum toxin	Dysport 500U	Lọ
106			Dysport 300U	Lọ
107	**Thuốc ung thư và hóa chất**	Bevacizumab	Abevmy - 100	Lọ
108			Abevmy - 400	Lọ
109		Capecitabin	Kpec 500	Viên
110		Cyclophosphamid	Cyclophamide	Viên
111		Docetaxel	Bestdocel 20mg/1ml	Lọ
112		Doxorubicin	Doxorubicin Bidiphar 50	Lọ
113		Oxaliplatin	Lyoxatin	Lọ
114			Oxaliplatin	Lọ
115			Oxaliplatin "Ebewe" 50mg/10ml	Lọ
116		Paclitaxel	Canpaxel 100	Lọ
117			Canpaxel 30	Lọ
118		Rituximab	Rixathon	Lọ
119		Trastuzumab	Hertraz 440	Lọ
120			Herzuma	Lọ
121		Goserelin acetat	Zoladex	Bơm tiêm
122		Zoledronic acid	Ledrobon- 4mg/100ml	Túi
123		Capecitabin	Kpec 500	Viên
124		Cyclophosphamid	Cyclophamide	Viên
125		Bicalutamid	Bilumid	Viên
126		Gefitinib	Gefitinib Sandoz	Viên
127			Iressa	Viên
128		Imatinib	Imalotab	Viên
129		Tamoxifen	Nolvadex-D	Viên
130			Tamifine 20 mg	Viên
131		Anastrozol	Umkanas	Viên
132		Vinorelbine	Navelbine 30mg	Viên
133		Sorafenib	Soravar	Viên
134	**Thuốc chống co thắt**	Hyoscin butylbromid	BFS-Hyoscin 40mg/2ml	Lọ

135	**Chế phẩm nuôi dưỡng ngoài đường tiêu hóa**	Acid amin	Aminoleban	Túi
136			Mekoamin S 5%	Chai
137		Nhũ dịch lipid	Lipofundin MCT/LCT 10%	Chai
138			Lipofundin MCT/LCT 20%	Chai
139			Lipovenoes 10% PLR	Chai
140			SMOFlipid 20%	Chai